

Bản án số: 234/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Phạm Thị Hà
Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 425/2017/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Hoàng P, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp NB, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Trần Ngọc G, sinh năm 1984 (vắng mặt)

HKTT: Ấp NB, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp KN, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Hoàng P trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Vào ngày 30/8/2010, anh Lê Hoàng P và chị Trần Ngọc G kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Về nguyên nhân mâu thuẫn*: Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, có lần chị G giận anh P ôm đồ bỏ đi cả năm rồi trở lại xin lỗi để được ở lại, việc này diễn ra chừng mười mấy lần. Vào ngày 08/5/2017, anh P bị bệnh đau mắt Bác sỹ Cà Mau điều trị không hết, anh P phải đi Thành phố Hồ Chí Minh điều trị, lúc đó anh P có kêu chị G lên nuôi thì chị G trả lời lên nuôi phải trả tiền công. Nay anh P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi giải quyết cho anh được ly hôn với chị G.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, anh P và chị G có 01 người con chung tên Lê Minh C, sinh ngày 01/01/2012, hiện cháu C đang sống chung với anh P. Khi ly hôn, anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi C, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn anh Lê Hoàng P, bị đơn chị Trần Ngọc G là vụ kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị G, nhưng chị G không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của anh P. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị G vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. *Xét thấy*: Nội dung khởi kiện của anh P thì chị G đã biết, nhưng chị G vẫn mặc nhiên, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị G.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của anh P về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào ngày 30/8/2010, anh P và chị G kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Như vậy, theo Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mỗi quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị G được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] *Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Theo anh P trình bày, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, có lần chị G giận anh P ôm đồ bỏ đi cả năm rồi trở lại xin lỗi để được ở lại, việc này diễn ra chừng mười mấy lần. Vào ngày 08/5/2017, anh P bị bệnh đau mắt Bác sỹ Cà Mau điều trị không hết, anh P phải đi Thành phố Hồ Chí Minh điều trị, lúc đó anh P có kêu chị G lên nuôi thì chị G trả lời lên nuôi phải trả tiền công.

Đối với chị G, mặc dù chị đã biết được nội dung mâu thuẫn do anh P trình bày, nhưng chị G không có ý kiến gì. Mặt khác, chị G cũng không cung cấp tài liệu hay chứng cứ để phản bác nội dung trình bày của anh P về nguyên nhân mâu thuẫn. Như vậy, chị G đã từ bỏ các quyền của chị được quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định là chị G đã chấp nhận những nguyên nhân mâu thuẫn như anh P trình bày.

Xét thấy: Tại phiên tòa anh P thừa nhận, kể từ ngày anh và chị G sống ly thân đến nay thì anh và chị G không thường xuyên liên lạc với nhau, cũng như không gặp trực tiếp nên anh và chị G không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh P xác định anh không còn tình cảm với chị G nên anh không thể tiếp tục sống chung với chị G được nữa, anh cương quyết xin ly hôn với chị G. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P về quan hệ hôn nhân.

[5] *Xét về nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì cháu C gần tròn 05 tuổi, hiện cháu đang sống chung với anh P. Khi ly hôn, anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu C, còn chị G không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh P về nuôi con. *Xét thấy:* Tại phiên tòa anh P xác định, hiện cháu C đang sống với anh ổn định, có điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như tâm sinh lý của cháu C nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P về nuôi con chung.

[6] *Xét về cấp dưỡng:* Theo khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Đối chiếu với điều luật trên thấy rằng, chị G là người không trực tiếp nuôi con chung, nên chị G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện, cũng như tại phiên tòa anh P không yêu cầu chị G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. *Xét thấy:* Đây là quyền định đoạt của anh P nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu sau này giữa anh P và chị G có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] *Về chia tài sản và nợ*: Anh P xác định, anh và chị G không có tài sản chung, cũng như không có nợ người khác và người khác nợ lại anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị G không có ý kiến gì đối với trình bày của anh P về chia tài sản và nợ. *Xét thấy*: Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu sau này giữa anh P và chị G có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[8] *Về án phí hôn nhân và gia đình*:

- Chị G không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Hoàng P.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Lê Hoàng P được ly hôn với chị Trần Ngọc G.

2. *Về nuôi con chung*:

- Giao cháu Lê Minh C, sinh ngày 01/01/2012 cho anh Lê Hoàng P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Chị Trần Ngọc G không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Minh C.

- Chị Trần Ngọc G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

- Chị Trần Ngọc G không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Anh Lê Hoàng P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000đ, ngày 31/10/2017 anh P có nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ, biên lai số 0009239 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

3. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

